

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2019/DS-ST

Ngày: 03-10-2019

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý– Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2019, về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Hồng T, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố *, phường *, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* - Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1968.

* Đại diện theo ủy quyền: Trần Sĩ S, sinh năm 1990 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Yên L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Võ Thị Kim C, sinh năm 1981 (Có mặt).

+ Nguyễn Thị P, sinh năm 1940 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố *, phường *, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người làm chứng:* Lê Thị Ngọc Lan T (Tên thường gọi: Ngọc V), sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Hồng T trình bày:***

Vào ngày 20/12/2018 âm lịch, chị T cho bà H và chị D vay số tiền 260.000.000 đồng, có làm biên nhận; lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; bà H và chị D hứa 03 tháng trả tiền vốn và lãi cho chị T, nhưng không trả; chị D có giao cho chị T giữ một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D để làm tin. Trong thời gian vay tiền cho đến nay bà H và chị D không có trả tiền vốn và lãi cho chị T. Chị T nhiều lần yêu cầu bà H và chị D trả tiền, nhưng không trả.

Nay chị T yêu cầu bà H và chị D liên đới trả lại cho chị T số tiền 260.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D ngay khi bà H và chị D trả tiền xong cho chị T.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy H, anh Trần Sĩ S trình bày.***

Vào ngày 20/12/2018 âm lịch, bà Nguyễn Thị Thúy H vay của chị Võ Thị Kim C số tiền 200.000.000 đồng, nhưng làm giấy biên nhận mượn tiền với chị Võ Hồng T. Bà H chỉ vay 200.000.000 đồng, nhưng có tính thêm số tiền lãi là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 260.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp 1.700.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà H có góp được cho chị C và bà P (mẹ của chị C) 34 ngày, mỗi ngày 1.700.000 đồng, tổng cộng là 57.800.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận; hiện nay còn nợ lại chị C 142.200.000 đồng. Do bà H làm giấy mượn tiền với chị Võ Hồng T, nên bà H đồng ý trả số tiền nợ 142.000.000 đồng cho chị T. Hiện nay chị T đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D.

Nay anh S (đại diện theo ủy quyền của bà H) chỉ đồng ý trả lại cho chị T số tiền 142.200.000 đồng và lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định (0,75%/tháng) tính từ ngày vay 20/12/2018 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hết nợ.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:***

Chị D không có vay hay mượn tiền của chị Võ Hồng T. Khoản cuối năm 2018, chị G (cháu ruột của chị D) có đem một tờ giấy đến tiệm uốc tóc nơi chị D làm công kêu chị D ký tên. Chị G không có đọc nội dung và kêu chị D ký tên vào giấy tờ đất; chị D có ký tên và ghi họ tên của chị D vào tờ giấy do chị G đưa, nhưng chị D không có đọc lại nội dung. Sau khi có tranh chấp thì chị D mới biết là ký tên vào giấy mượn tiền của chị T. Hiện nay chị T đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do

Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D. Việc bà H vay, mượn tiền của chị C hay chị T như thế nào chị D không biết.

Nay chị D không đồng ý trả tiền cho chị T. Chị D yêu cầu chị T trả lại cho chị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- *Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc G trình bày:*

Ngày 20/12/2018 âm lịch, chị G có viết một tờ giấy mượn tiền của bà H mượn chị C 200.000.000 đồng, nhưng viết biên nhận mượn tiền của chị Võ Hồng T, chỉ mượn 200.000.000 đồng, còn 60.000.000 đồng là tính thêm tiền lãi, tổng cộng là 260.000.000 đồng để góp mỗi ngày 1.700.000 đồng. Lúc viết giấy biên nhận mượn tiền tại nhà bà H tại ấp B, xã Y, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Khi viết xong biên nhận mượn tiền, chị G có đem đến tiệm uốn tóc nơi chị D làm công tại thị xã Gò Công kêu chị D ký tên vào; chị G nói cho chị D biết là ký tên vào giấy tờ đất; không có nói ký tên vào giấy mượn tiền.

Nay chị G thống nhất theo lời trình bày của anh S và chị D.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Tại phiên tòa, chị Võ Thị Kim C trình bày:*

Chị C không có cho bà H và chị D vay, mượn tiền. Số tiền 260.000.000 đồng là tiền của chị T cho bà H và chị D vay. Trong thời gian bà H và chị D vay tiền của chị T, chị C không có nhận khoản tiền nào của bà H và chị D trả cho chị T. Việc chị T yêu cầu bà H và chị D trả 260.000.000 đồng; chị C không có ý kiến, để chị T với bà H và chị D giải quyết, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Chị C không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Bà Nguyễn Thị P có đơn xin vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 20/8/2019, bà P trình bày:*

Từ ngày 20/8/2018 âm lịch đến nay bà P không có nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà H trả cho chị T. Bà P không có liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa bà H với chị T; yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, người làm chứng chị Lê Thị Ngọc Lan T trình bày:**

Chị D làm công tại tiệm uốn tóc của chị T; vào tháng 12/2018 âm lịch, tại tiệm của chị T, cháu của chị D có đưa cho chị D một tờ giấy viết tay kêu chị D ký tên, chị D có ký tên vào tờ giấy viết tay do cháu chị D đưa, nhưng không có đọc nội dung.

Ngoài ra chị T không có chứng kiếng gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc bà H và chị D liên đới trả lại cho chị T 260.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”, cần áp dụng giải quyết theo các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có bản tự khai thể hiện ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định tại các Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét chị T yêu cầu bà H và chị D liên đới trả lại số tiền 260.000.000 đồng, không tính lãi, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị T và anh S (đại diện theo ủy quyền của bà H), chị D, chị G, chị C như trên thì bà H, chị D có vay tiền của chị T. Chị T có cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của chị T là tờ giấy biên nhận viết tay có nội dung: “ *Tôi tên: Nguyễn Thị Thúy H. Ngụ tại Ấp b, xã Y, huyện G, Nguyễn Thị Thùy D ngụ tại Ấp h, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang có mượn của Võ Hồng T số tiền là 200.000.000 đ(hai trăm triệu) cộng với 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) là 260.000.000 đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Ngày 20 – 12 ẤL (2018) ”* (bút lục 43). Anh S (đại diện theo ủy quyền của bà H) và chị D thừa nhận bà H, chị D cùng ký tên và ghi họ tên trong tờ biên nhận có nội dung nêu trên. Phía bà H cho rằng chỉ vay của chị C 200.000.000 đồng, không mượn tiền của chị T, nhưng bà H không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của bà H; chị D cho rằng không có mượn tiền của chị T, nhưng chị D thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận do chị T cung cấp, chị D có đủ khả năng nhận biết và năng lực để biết được việc chị D ký tên vào biên nhận; lời trình bày của anh S và chị D không được chị T thừa nhận. Nên có cơ sở xác định bà H và chị D có vay của chị T 260.000.000 đồng. Chị T nhiều lần yêu cầu bà H và chị D trả tiền, nhưng không trả; nên chị T khởi kiện yêu cầu bà H và chị D liên đới trả lại số tiền 260.000.000 đồng như trên là có cơ sở chấp nhận.

- Về cách trả tiền: Chị T yêu cầu bà H và chị D liên đới trả lại số tiền 260.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Anh S (đại diện ủy quyền của bà H) cho rằng đã trả được 57.800.000 đồng; còn nợ lại 142.200.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian trả tiền tính từ ngày án có ghiệu lực pháp luật; chị D cho rằng không có mượn tiền của chị T, nên không đồng ý trả tiền cho chị T; nhưng anh S và chị D không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của anh S và chị D; chị T không thừa nhận, nên yêu cầu của anh S (đại diện ủy quyền của bà H) và chị D không có cơ sở chấp nhận.

- Xét chị G thống nhất theo ý kiến, yêu cầu của anh S và chị D, nhưng không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

- Xét chị C, bà P không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

- Xét chị T đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D. Chị T đồng ý trả lại cho chị D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên ngay khi bà H và chị D trả xong số tiền 260.000.000 đồng cho chị T, nên ghi nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T: Buộc bà H và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 260.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà H và chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Hồng T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H và chị Nguyễn Thị Thùy D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Hồng T số tiền 260.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ghi nhận chị Võ Hồng T trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH00683 ngày 09/5/2013 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy D ngay khi bà H và chị D trả tiền xong cho chị T.

- Về án phí:

+ Bà H và chị D phải liên đới chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị T tiền tạm ứng án phí 6.500.000 đồng theo biên lai số 40265 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Chị D, bà H, anh S (đại diện theo ủy quyền của bà H), chị C, chị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu